

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).**

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình (BIDV – chi nhánh Hoà Bình)

Địa chỉ: Đường Lê Thành Tông, phường Hữu Nghị, Tp Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình. Hoạt động tố tụng theo Quyết định số 545/QĐ - BIDV ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đối với người đứng đầu chi nhánh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Tiến D – Phó giám đốc phòng giao dịch BIDV huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình (là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lương Quang Minh – Giám đốc ngân hàng BIDV – chi nhánh Hoà Bình, theo văn bản ủy quyền số 388/QĐ.BIDV.HB ngày 05/8/2021)

Bị đơn: Bà **Bùi Thị Ng-** Sinh năm 1976

Cư trú tại: xóm Bả, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Ông **Hoàng Văn Kh** – Sinh năm 1970

Cư trú tại: Khu 6, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về thanh toán công nợ:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận tính đến ngày 20/9/2021, bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình nợ gốc và lãi cho 03 Hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể như sau:

+ Theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/6214305/HĐTD ký ngày 31/10/2017:

Nợ gốc: 360.000.000đ; Nợ lãi: 44.651.713đ, Tổng cộng: 404.651.713đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số 03/2017/6214305/HĐTD ký ngày 05/12/2017:

Nợ gốc: 50.480.000đ ; Nợ lãi: 7.197.531đ; Tổng cộng: 57.677.531đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/6214305/HĐTD ký ngày 29/08/2019 :

Nợ gốc: 450.000.000đ; Nợ lãi: 69.916.096đ; Tổng cộng: 519.916.096đ

Như vậy, tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2021 là **982.245.340đ** (*Chín trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi đồng*). Trong đó:

Tổng số nợ gốc: 860.480.000đ (*Tám trăm sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*)

Tổng nợ lãi: 121.765.340đ (*Một trăm hai mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày 21/9/2021 bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán xong khoản vay.

2.2. Về tài sản thế chấp: Các bên xác nhận tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên như sau:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 478619, số vào sổ: CH00011 do UBND huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 14/01/2014, thửa số 132, tờ bản đồ số 44. Địa chỉ tại: Khu 6, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (*trước là khu 5B, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình*). Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6214305/HĐBĐ ngày 06/12/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình với bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh.

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số R 624656 (Số vào sổ: 01431QSDĐ/CP) do UBND huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 09/12/2002, thửa số 89, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tại Khu 6, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (trước là khu 5B, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình). Theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/6214305/HĐBĐ, 03/2017/6214305/HĐBĐ ngày 21/12/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình với bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh.

Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần các khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mại các tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Ng và ông Hoàng Văn Kh tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 20.733.680 đ (*hai mươi triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình 20.300.000đ (*hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai thu tiền số 0001620 ngày 16/8/2021.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Đường sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS H. Cao PHong
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

